

HỢP TUYỂN THÂN HỌC

TẬP PHỔ BIẾN THẦN HỌC, PHÁT HÀNH KHÔNG ĐỊNH KỲ

Số 43&44

Năm XVIII (2008)

CHỦ ĐỀ:

**Khái Luận Thần Học
về
CHÚA THÁNH THẦN**

THẦN KHÍ HỌC [I]



III. Nguồn gốc giáo lý về Chúa Thánh Thần

Giáo hội hằng duy trì việc đọc Kinh Thánh và suy tư... Dường như công tác trước tiên Giáo hội nhắm đến là dùng ngôn ngữ và văn hóa của các quốc gia dân tộc khác nhau để giải thích mạc khải Kinh Thánh cho các kitô hữu thuộc các miền xứ không-Sêmit. Các Tông phụ¹ và còn đông số hơn nữa, là các Giáo phụ,² cũng đã dùng các phạm trù triết học phổ biến trong thời đó để tiến hành công tác đối thoại – thường là qua dạng bút chiến – với các bậc thức giả đương thời; công tác đó, ngày nay, được gọi là tiến trình hội nhập văn hóa.

Dùng cách kiểu đó, các tác giả đầu tiên đã tiếp tục giải thích mạc khải Kinh Thánh, cũng như biểu trình về tác vụ linh hứng của Thần Khí trên các tín hữu, cách riêng là trên các ngôn sứ. Dù vậy, nếu nỗ lực để phân tích giáo lý ấy, thì sẽ thấy rõ là nó vẫn đang ở “trong giai đoạn hình thành” và còn nhiều lộn xộn

¹ Từ thế kỷ 16, các tác giả kitô thuộc hạ bán thế kỷ 1, thượng bán thế kỷ 2, được gọi là “các Tông phụ”; các vị này đã giảng dạy một giáo lý được coi là có tính chất chính truyền. Có thể kể ra đây một số Tông phụ tiêu biểu: Clémentê thành Rôma (vị Giáo hoàng thứ ba sau thánh Phêrô), Inhaxiô thành Antiokia († 107), Pôlycáp thành Smyrna († lối 120), Papias († lối 50), v.v. cùng với một số tác phẩm khác, như: *Didache, Letter to Diognetus, Pastor Hermae*.

² Các Giáo phụ là những thần học gia đời xưa, phần đông là các giám mục; giáo lý và đời sống thánh thiện của các ngài đã được truyền thống công nhận. Cách chung, có thể coi thánh Grêgôriô Cả († 604) là vị Giáo phụ cuối cùng phía Latinh, và thánh Gioan thành Đamasô († lối 760) là vị Giáo phụ cuối cùng phía Hy Lạp.

ngôn ngang.³ Sách *Didakhé* – có lẽ là bản viết kitô cổ xưa nhất ngoài Tân Ước – thường nói về các ngôn sứ: “... không phải hễ ai nói bằng thần khí thì kẻ đó được coi là ngôn sứ, trừ khi kẻ đó hành xử theo cung cách của Đức Chúa. Như thế, nếu căn cứ vào lối hành xử của họ thì có thể nhận ra được đâu là ngôn sứ (thật) và đâu là ngôn sứ giả” (*Đid.* 11). Thánh Clémentê thành Rôma (lối năm 96) thường bàn về Thánh Thần như là đấng phát ngôn trong các sách Thánh và đã mời gọi chúng ta trở nên những kitô hữu đích thực (*Clem.* 22.1). Thánh nhân dùng công thức Tam Vị, đặt Ba Ngôi theo tư thế ngang bằng nhau: “Tại sao lại để cho xảy ra những xung đột, chia rẽ giữa anh em... Chẳng phải chúng ta cùng có duy nhất một Thiên Chúa, một Đức Kitô và một Thần Khí hằng tuôn đổ dư tràn ân sủng trên chúng ta sao...?” (46.5-6). Dù đã ý thức nhiều hơn về hoạt động của Thánh Thần trong cộng đoàn, song Giáo hội còn gặp phải vấn đề khó khăn liên quan đến việc phân định. Thư của Bécnaba (viết vào khoảng các năm 80-130) đã phát biểu như sau: “Thần Khí đã nói trong lòng Môsê rằng ông phải làm một biểu tượng về thập giá và một hình ảnh về Đấng phải chịu khổ treo trên đó” (12.2); và trong thư gửi giáo đoàn Philadenphia, thánh Inhaxiô Antiôkia (lối năm 107) đã tuyên bố như sau về sự việc ngài được Thánh Thần linh hứng: “Thần Khí đã công bố những lời này: đừng làm điều gì nếu không có giám mục; hãy giữ gìn thân thể anh em như những đèn thờ của Thiên Chúa; hãy hiệp nhất trong đức ái, tránh việc gây chia rẽ lẫn nhau; hãy bắt chước

³ Antonio Orbe, *La Teología del Espíritu Santo* (Analecta Gregoriana, 158), Gregorian University, Rome, 1966; Wolf - Dieter Hauschild, *Gottes Geist und der Mensch: Studien zur führchristlichen Pneumatologie*, Kaiser Verlag, München, 1972.

Đức Giêsu Kitô, như Người đã bắt chước Cha Người” (*Phila.* 7.1). Giáo hội hằng coi hoạt động linh hứng của Thánh Thần trên các ngôn sứ thời Cựu Ước và tiếp đó, trên các ngôn sứ kitô, như là một.

Lúc các tác giả thù dùng những phạm trù triết học phổ biến trong các nền văn hóa của mình để khởi sự công tác đối thoại với thời đại, thì những xác quyết hay luận điểm của các ngài đôi lúc lại tỏ ra là thiếu xác đáng, bởi vì tư tưởng thần học khi đó chưa đạt tới mức chính toàn.

Thánh Giúttinô tử đạo (†165), một triết gia, đã nhắc đi nhắc lại rằng Thần Khí của các ngôn sứ thời xưa, của các thánh tông đồ và của Giáo hội chỉ là một. Trong cuốn *Apologies*, viết để gửi đến các lương dân, ngài chỉ đề cập đến “các thần khí,” theo ý nghĩa chỉ về thần dữ hoặc vong linh của kẻ chết. Còn trong cuốn *Dialogue with Trypho*, ngài đã bàn về thần khí theo Kinh Thánh, cũng như giải thích về phương cách hoán cải mà người Do thái phải thực hiện để trở về với Kitô giáo; ngài viết như sau: “nhờ danh Đức Kitô mà người thì nhận được thần khí ban ơn hiểu biết, kẻ thì được ơn soi sáng, người thì được ơn sức mạnh, kẻ thì được ơn chữa lành, người thì được ơn tiên hiệu, kẻ thì được ơn giáo huấn, người khác lại được ơn kính sợ Thiên Chúa” (*Dial.* 39). Các ngôn sứ trong thời Cựu Ước “đã nói bằng Thần Khí Thánh... và được tràn đầy Thánh Thần” (*Dial.* 7). Viết cho Tryphô, trong *Dialogue* 88, thánh nhân đã làm chứng cho kinh nghiệm của Giáo hội về Thần Khí: “Giờ đây, có thể dễ dàng thấy rõ việc những người nam, người nữ trong chúng ta đã nhận được những món quà mà Thần Khí của Thiên Chúa ban tặng.” Dù vậy, dường như mức độ hiểu biết của Giúttinô về Thần Khí đã không vượt lên trên những điều mà ngài rút ra

được từ Cựu Ước. Có vẻ như ý niệm của thánh nhân về Thiên Chúa chỉ dừng lại ở mức “song vị” (Cha và Đức Giêsu Kitô) chứ không phải là “tam vị”. Môn đệ của ngài là Tatianô cũng đã nỗ lực để đối thoại với những người đương thời qua việc thích nghi và dùng ngôn ngữ của họ. Dù vậy, điều đó đã dẫn ông đến việc trộn lẫn các lời dạy của triết gia, cùng với những niềm tin phổ biến thời đó, khi trình bày giáo lý kitô; và hậu quả là, cung cách trình bày các điểm giáo lý của ông, như đọc thấy trong cuốn *Address to the Greeks* (viết vào giữa các năm 166-170), đã tỏ ra là khá lộn xộn và nhập nhằng. Một vài năm sau đó (năm 166 hay 167), Atênagôrát, triết gia người Aten, đã gửi bản *Apology* đến hoàng đế Marcus Aurelius, để lên tiếng bảo vệ những người kitô bị buộc tội là “vô thần”; giáo lý của ông vẫn giữ nguyên ngôn ngữ kinh thánh và tỏ ra khá rõ ràng, mạch lạc. Ông đã thừa nhận rằng, hẳn là những người không kitô sẽ lấy làm lạ về dạng tôn giáo này: “Ai lại giấu nỗi thái độ kinh ngạc trước sự việc bị cáo buộc là vô thần những con người tuyên xưng về Chúa Cha, về Chúa Con, và về Chúa Thánh Thần, cũng như xác quyết về tình trạng hiệp nhất trong quyền năng, và mức độ phân biệt trong trật tự của các Đấng ấy?” (Ch. 10). Ngài cũng viết rằng: đức tin giúp cho được cứu độ thì hệ tại ở việc “nhận biết Thiên Chúa và Ngôi Lời của Ngài; nhận biết thế nào là duy nhất tính của Con với Cha, thế nào là tình hiệp thông giữa Cha với Con; nhận biết Thần Khí là đấng nào; thế nào là mối hiệp nhất giữa ba đấng là Thần Khí, Con và Cha, cũng như tình trạng phân biệt giữa nhau, trong cùng một mối hiệp nhất đó” (Ch. 12); hoặc, ngài viết tiếp, như sau: “Bởi vì, chúng ta nhận chân một Thiên Chúa, và một Con, Lời của Ngài, và một Thánh Thần – tức là Cha, Con, Thần Khí – hiệp nhất trong một bản thể, bởi vì Con

là Tuệ trí, là Lý tính và là Minh triết của Cha, và Thần Khí là sự tỏa rạng bùng lên như là ánh sáng phát xuất từ ngọn lửa” (Ch. 24); giáo lý này đã được định thức một cách xác đáng. Dù vậy, bởi tính cách phức tạp của mạc khải kitô, cũng như do tình trạng thiếu ngôn từ và các khái niệm trong văn hóa Hy Lạp để biểu trình về mạc khải ấy, cho nên việc xuất hiện các dạng kiểu định thức khác lạ – được “tinh chỉnh” dựa vào trực cảm đức tin của dân kitô và nỗ lực của các học giả – là điều đương nhiên không thể nào tránh khỏi.

Các lạc giáo

Các lạc giáo đã xuất hiện từ rất sớm. Trước tiên, đó là các lạc giáo về kitô học (Êbion, ảo thân thuyết, nghĩa tử thuyết), nhưng chúng cũng đã sớm chuyển địa bàn sang thần khí học. Ngộ đạo thuyết đã trở thành một mảnh đất màu mỡ làm cho mọc lên nhiều tác phẩm công phu mang tính chất huyền bí. Dựa vào mạc khải kitô về Thiên Chúa, hai thái cực cần phải được tránh xa: hoặc là độc vị thuyết – nhấn mạnh quá mức vào tính chất “một Thiên Chúa” đến độ chối bỏ luôn Ba Ngôi – hoặc là tam thần thuyết – tập trung quá mức vào cá vị tính của mỗi Ngôi, đến độ đã phủ nhận duy nhất tính của Thiên Chúa. Ngộ đạo thuyết đã bị các thư Côlôxê và I Gioan vạch mặt chỉ tên. Lạc giáo Montanô thì tuyên xưng thiên tính của Thần Khí, nhưng lại nhấn mạnh quá nhiều vào đó, đến độ Montanus (cuối tk. 2) tuyên bố rằng “thời đại của Đấng Bảo Trợ” đã được khai mở, và rằng các người thuộc thuyết Montanô đang nắm giữ trong tay một

“mạc khải mới”; dù vậy, tính chất nghiêm ngặt về luân lý của phái này thậm chí đã làm cho thánh Tetullianô, cũng cảm thấy bị lôi cuốn theo. Thánh Irênê đã lên tiếng bác bỏ ngộ giáo Valentianô, học thuyết của những kẻ tin rằng Đức Kitô và Thánh Thần là một “đôi hôn nhân,” do sinh xuất của Thiên Chúa mà ra (*Ad. Haer.* I.2.5). Sau thời công đồng Nixêa (325), khi mà lạc giáo về kitô học của Ariô xem như đã bị xóa sổ, thì lại thấy nhiều vấn đề sai lạc liên quan đến Chúa Thánh Thần, mọc lên nhan nhản; có thể xem đó như là một bước triển phát hợp lý của lạc giáo này. Lối năm 360, thánh Atanaxiô đã chống lại Tropicici, kẻ ngoan cố cho rằng Thánh Thần đã được tạo thành từ hư vô. Sau vụ đó, những người thuộc phái chối bỏ thiên tính của Thần Khí (mà thánh Atanaxiô đã gọi là “những kẻ chống Thần Khí”) đã thấy xuất hiện từ bên trong phái tương đồng.⁴ Đi theo chủ trương của Eustathius thành Sebaste (sau năm 373), phái này – dù đã tuyên nhận tình trạng đồng bản tính của Con với Cha, thì cũng – ra sức quả quyết về một tình trạng phi thần thánh, phi tạo, một trung trạng của Thần Khí. Phái này đã bị các Giáo phụ vùng Capadôxiô – những vị đã dạy về tính chất toàn vẹn thiên tính và đồng bản tính của Con lẫn của Thần Khí, một cách mạc nhiên (như thánh Baxiliô trong *On the Holy Spirit*), hoặc minh nhiên (như thánh Grêgôriô thành Nadian trong *Oration* 31) – mạnh mẽ kết án. Thần học của các giáo phụ vùng Capadôxiô (và của thánh Atanaxiô) đã đóng giữ vai

⁴ Công đồng Nixêa đã dùng thuật ngữ Hy Lạp *homoousion* (= đồng bản thể) để biểu trình về tình trạng đồng bản tính với Cha của Con. Trong các cuộc tranh luận về sau, một số thần học gia đã chọn thuật ngữ *homoiousion* (= tương tự bản thể); bởi đó, chi phái Ariô cấp tiến đã bị gọi là phái dị đồng.

trò trọng yếu tại Công đồng Côngxtăngtinôp (381). Công đồng này đã bỏ tước vào tín biểu của Nixêa một tín khoản thứ ba, mà cho tới ngày nay vẫn được tuyên xưng, đó là: “Chúng tôi tin kính Chúa Thánh Thần, Người là Chúa và là Đấng ban sự sống, Người phát xuất từ nơi Chúa Cha, Người được phụng thờ và tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Con, Người đã dùng các ngôn sứ mà phán dạy.” Mọi lạc giáo đương thời đều đã bị kết án trong khoản luật đầu tiên của công đồng: “Bản tuyên tín các nghị phụ công bố ở Nixêa, Bithynia, không bị coi là bãi bỏ, mà vẫn phải được duy trì hiệu lực. Mọi lạc giáo đều phải chịu vạ dứt phép thông công, cách riêng là các lạc giáo như: Eunomiô hay phái dị đồng, Ariô hay Eudoxiô, bán-Ariô hay phái chối bỏ thiên tính của Thần Khí, Sabel-lô, Marcelliô, Photiniô và Apollinariô.” Các lạc giáo ấy đã chủ trương những gì?

Vào thời công đồng này, có một bè nhóm lạ – được gọi là Eunomiô⁵, tức phái dị đồng – đi theo một dạng tân học thuyết Platô, đã tin vào một hệ thống phẩm trật của các thần tính (tức là có nhiều hay ít thần tính); hầu như đây là một dạng đa thần thuyết. Eudoxiô⁶ là một lạc giáo nối gót Ariô, và do đó đã phủ nhận Thiên Chúa Ba Ngôi. Riêng lạc phái gọi là

⁵ Phái theo lạc thuyết của Eunomiô, giám mục thành Cyzicus († 393), người cho rằng Đức Kitô không phải là Thiên Chúa, nhưng chỉ là một dạng hữu thể được tạo thành, mang một bản tính khác với bản tính của Cha (chữ *anomoëan*, hoặc *anomoios*, có nghĩa là “dị đồng”) và Thần Khí là một thụ tạo. Thánh Baxiliô Cả đã bác bỏ luận thuyết của Eunomiô qua một tác phẩm giáo lý, tựa đề *Against Eunomius* (364).

⁶ Lạc phái theo Eudoxiô, thượng phụ thành Antiôkia và Côngxtăngtinôp vào thế kỷ 4, và là người biện hộ trừ danh về các học thuyết của Ariô.

*Pneumatomachi*⁷ (phái phủ nhận thiên tính của Thánh Linh) đã bùng phát mạnh mẽ tại các vùng đất nằm về phía tây bắc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, suốt trong thời hậu bán thế kỷ 4 cho đến đầu thế kỷ 5. Dù vẫn duy trì việc dùng kinh Tin kính của công đồng Nixê, nhưng phái này lại giải thích tín đoạn “và chúng tôi tin kính Chúa Thánh Thần” theo những cách kiểu sai lạc khác nhau. Dựa vào văn đoạn Dt 1:14, một số người đã coi “Thần Khí” như là một thiên thần. Dù tuyên xưng rằng Con “đồng bản tính” với Cha, nhưng họ lại phủ nhận thực trạng đồng bản tính của Thần Khí. Lạc phái này đã bị thánh Atanaxiô kết án lần đầu tiên tại công đồng Alêcxândria (362), cũng như đã bị thánh Baxiliô bác bỏ trong cuốn sách nổi tiếng của ngài, tựa đề “*On the Holy Spirit*”. Lạc phái này đã không được nhắc đến trong một thời gian. Sau đó, để tiếp tục kết án nó, thánh Grêgôriô thành Nixa, bào đệ của thánh Baxiliô, đã cho ra đời tác phẩm *Against the Macedonian*, và trong chiều hướng đó, tại Côngxtăngtinpô, bạn của các ngài là thánh Grêgôriô thành Nadian cũng đã tuyên đọc một bài diễn văn thần học thật sáng chói (379). Mãi cho đến thế kỷ 5, lạc giáo này mới hoàn toàn biến mất. Truyền thống cũng đã điếm mặt phái Sabelliô,⁸ một lạc giáo chối bỏ Thiên Chúa Ba Ngôi, và do đó, phủ nhận luôn thiên tính của Thánh Thần. Cội rễ của lạc giáo đã đâm mọc khá mạnh từ trước thời công đồng Nixê; đó là lạc thuyết độc nhất thần vị, vốn dĩ chủ trương rằng trong Thiên Chúa, chỉ có một “Nguyên khởi”, tức là một Ngôi vị

⁷ Từ ngữ này có nghĩa là “những người chống lại Thần Khí”; lạc giáo này cũng được gọi là Maxêđoniô vì đã đi theo chủ thuyết của người sáng lập là Maxêđoniô, giám mục Côngxtăngtinpô từ năm 342.

⁸ Sabelliô đã trở thành người cầm đầu những kẻ theo lạc thuyết hình thái tại Rôma, và đã bị đức giáo hoàng Callitô (lỗi năm 220) ra vạ tuyệt thông.

duy nhất, mà thôi. Từ đó, đã thấy có một vài lạc thuyết phát sinh, chẳng hạn như: nghĩa tử thuyết, cho rằng Nguyên khởi duy nhất chính là Cha; còn Con, tức Đức Kitô, là một người đã được nhận làm Con qua phép rửa. Lạc thuyết hình thái, theo một dạng kiểu khác, đã cho rằng một Ngôi vị duy nhất, tức là Cha, xuất hiện dưới ba cách thể khác nhau; như thế, Cha mới thực sự là đáng chịu đóng đinh, và vì vậy, lạc thuyết này có tên gọi là “khô phụ thuyết” (= Thiên Chúa Cha chịu khổ nạn). Trong các mức độ khác nhau, lạc thuyết đó đã được một số người rao giảng, chẳng hạn như: Noetus, đã bị tác giả của Hippolytus kết án; Paxea, đã bị Tertulianô bác bỏ; Sabellius, người đã cho rằng ba Ngôi Vị là một và như nhau, xuất hiện qua ba dạng cách: như là đấng tạo dựng (Cha), như là đấng cứu độ (Con), và như là đấng thánh hóa (Thần Khí). Lối năm 260, đức giáo hoàng Đionixiô đã lên án lạc thuyết này. Vốn dĩ, những người theo lạc thuyết đó là các kitô hữu ngay thẳng và trung thành, nhưng vì gặp phải những va vấp rất lớn về mặt ý niệm, nên họ đã không thể suy luận cho thích đáng về duy nhất tính của Thiên Chúa cũng như về thiên tính của cả ba... dạng thể (?) hoặc ngôi vị (?). Cùng lúc, do việc thiếu cậy dựa vào bằng chứng kinh thánh mà Ariô⁹ và nhiều môn đồ của ông về sau đã không thấy được thiên tính của Lời, như được biểu trình trong Kinh Thánh. Maxêđônô,¹⁰ tuy công

⁹ Ariô là một linh mục thông thái và sống khổ hạnh (256-336), một nhà giảng thuyết thời danh xuất thân từ Libya. Ông đã giảng dạy rằng, chỉ có một mình Cha là Thiên Chúa mà thôi. Lời, hay Con, là một hữu thể được tạo thành từ hư vô do bởi Cha, trước khi vũ trụ được dựng nên. Do đó, ông đã cho rằng, có một thời gian nào đó, Con đã không hiện hữu.

¹⁰ Maxêđônô († sau năm 360), người Hy Lạp, là giám mục của Côngx-tăngtinôp từ 342 đến trước 346, và từ 351 cho đến 360. Ông đã khởi

nhận thiên tính của Lời, nhưng lại không coi Thần Khí như là thần linh. Tình trạng sai lạc ấy vẫn cứ dai dẳng mãi cho đến tận ngày nay.¹¹ Vào thế kỷ 16, các người theo lạc giáo Sozzini đã nhân danh lý trí cùng toàn bộ mâu nhiệm của Kitô giáo mà dứt khoát bác bỏ giáo lý về Tam Vị trong Một Thiên Chúa; phái độc vị đương thời chính là một hậu duệ của lạc giáo này.

Giáo lý của các Giáo phụ

a. Các Giáo phụ Hy Lạp

Thánh Irênê thành Lyon († 202) – một môn đệ của thánh Pôlycáp và được coi là “vị sáng lập” nền thần học Kitô giáo – xác quyết rằng, cả Cựu Ước lẫn Tân Ước đều đã được linh hứng bởi cùng một Thần Khí; ngài gọi các ngôn sứ thời xưa và các Tông đồ là *pneumatophoroi*, tức là “những người mang Thần Khí”, theo một công thức mà ngài đã đọc thấy trong Hs 9:7 (bản Bảy mươi): “Thần Khí duy nhất của Thiên Chúa – Đấng, qua các ngôn sứ, đã công bố những điều phải xảy ra cũng như thái độ phải có trong việc trông chờ Chúa đến – đã dùng miệng các vị tiên bói này [Phêrô, Phaolô, Mátthêu...] mà đưa ra

xướng việc thiết lập phái Maxêđônô, một lạc giáo chối bỏ thiên tính của Chúa Thánh Thần.

¹¹ Thiên Chúa Ba Ngôi bị tất cả các lạc giáo khác nhau, gọi chung là độc vị phái, chối bỏ. Hậu duệ tân thời của độc vị phái đã hình thành vào lối giữa thế kỷ 16 tại Balan, và đã lan nhanh đến Anh quốc và Hoa kỳ, nơi mà các tôn phái như Chứng nhân Giêhôvah và Móc môn đã thuận theo các chủ thuyết này. Tại Phi luật tân, phái *Iglesia de Cristo* là thành viên của nhóm này. Họ dùng ngôn ngữ Kitô, nhưng lại chối bỏ giáo lý và không chấp nhận các tín biểu của Nixêa. Trong phong trào Ngũ tuần, nhiều người cũng có lối suy nghĩ giống như Sabelliô.

một lối cắt nghĩa thích đáng về các điều đã thực sự được tiên báo”; ngoài ra, ngài cũng đồng nhất hóa Thánh Thần này với Đấng đã tác động đến việc nhập thể của Đức Giêsu Kitô (*Ad. Haer.* III.21.4). Thấm nhuần tinh thần của Tân Ước, cách riêng là qua việc trung dẫn và cắt nghĩa công thức rửa tội mà văn đoạn Mt 28:18 trình bày, thánh Irênê đã biểu trình một dạng thức đức tin trọn vẹn về Ba Ngôi, như sau: “[Thiên Chúa] đã hứa rằng, vào thời sau hết, Ngài sẽ đổ tràn đấng ấy [Thần Khí] trên các tôi nam tở nữ [của Ngài] để họ có thể nói lời tiên tri; bởi đó, Người cũng đã ngự trên Con Thiên Chúa, làm cho Ngài trở thành Con người, tương thích với Ngài trong hiệp thông hầu cư ngụ giữa lòng nhân loại, sống với con người và hiện diện trong tác động của Thiên Chúa; Người giúp họ thi hành ý muốn của Cha, đổi mới những tật xưa thói cũ nơi họ để họ trở nên những con người mới trong Đức Kitô” (*Ad. Haer.* III.17. 1). Ở đây, có thể đọc thấy một dạng tổng lược giáo lý kitô chính truyền về: việc Thần Khí ngự xuống trên Đức Giêsu và việc Người cư ngụ trong lòng người kitô để thánh hóa họ. Irênê cũng dạy rằng, Cha dùng hai bàn tay của mình mà tạo dựng vũ trụ: “nơi Người, Lời và sự Khôn Ngoan – tức là Con và Thần Khí – hằng hiện diện; nhờ và trong hai Đấng ấy, Người đã tạo dựng mọi sự cách tự do và tự phát” (*Ad. Haer.* IV.20.1). Tuy rằng một đôi chỗ trong giáo lý của Irênê còn tỏ ra mập mờ, tối nghĩa, nhưng ngài đã được thánh Baxiliô Cả coi như là một chứng tá cho đức tin chính truyền.

Dù có bàn đến “Tam Vị Thánh” (*tèn hagian Triáda*) trong *Stromata* V.14, thì Clêmentê thành Alêcxãndria († 215), bậc thầy lỗi lạc thuộc một trường phái kitô danh tiếng, cũng đã đề cập rất ít về Chúa Thánh

Thần. Ôrigênê, người kế vị Clêmentê trong vai hướng dẫn trường phái, (185-254), là một trong các nhà tư tưởng kitô lỗi lạc nhất. Do bởi sự việc ông đã viết rất nhiều tác phẩm mang những quan điểm táo bạo, nên tư tưởng của ông đã trở thành chủ đề dấy lên vô số các cuộc tranh cãi gay gắt từ xưa cho tới nay. Thánh Hiêrônimô phản đối Ôrigênê về việc đã làm cho Thần Khí trở nên thua kém so với Con; dù vậy, những luận điểm của ông cũng đã được thánh Atanaxiô dùng để chống lại Ariô. Tuy rằng có tỏ ra nhầm lẫn trong các quả quyết, nhưng Ôrigênê vẫn cho thấy lòng trung thành ông có đối với truyền thống của Giáo hội qua việc ông hiểu được lời dạy của các Tông đồ, nói rằng Thần Khí “liên kết với Cha và Con trong tước vị và phẩm giá” (*De Principiis* 4). Ông đã nhận định như sau: “Thần Khí mà lẽ luật lẫn Tin mừng nhắc đến chỉ là một Đấng duy nhất mà thôi. Giống như việc Cha và Con hằng ở với nhau thế nào, thì người cũng đã, đang và sẽ mãi ở với Cha và với Con như vậy. Người không mới [có đây], song lại đời mới các kẻ có lòng tin” (*In epist. ad Rom.* VI.7); ông còn trình bày thêm rằng: “Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, có tính chất bộ ba, và cả ba đều là một” (P.G. 12.1633). Có thể nói được rằng, lúc Ôrigênê tuyên xưng đức tin của ông, thì đức tin ấy cho thấy là có tính chất chính truyền; song, lúc ông khai triển các luận điểm của mình, thì đức tin ấy lại trở nên nhập nhằng, rối rắm.¹²

¹² Xem, chẳng hạn, đoạn viết như sau: “Nhờ tất cả những điều này mà chúng ta mới biết được rằng ngôi vị của Thánh Thần là ngôi vị của uy quyền và phẩm tước, và rằng phép rửa ban ơn cứu độ sẽ không trọn vẹn nếu không do bởi uy quyền của Thiên Chúa Tam Vị chí tôn – nghĩa là không do bởi việc nhân danh Cha, Con, và Thánh Thần – và việc gia nhập vào trong Thiên Chúa Cha, Đấng không do ai sinh ra, và vào trong Con, Đấng duy nhất được Cha sinh ra, và nhờ cả danh của Chúa Thánh Thần nữa. Bởi đó, ai lại không thấy kinh ngạc

Suốt trong thế kỷ 4, các cuộc luận chiến hướng vào các người theo lạc giáo Ariô và những lạc thuyết tương tự – liên quan đến thiên tính của Con và Thánh Thần – đã đạt đến đỉnh điểm. Và kết quả là một nền giáo lý hoàn chỉnh hơn đã thành hình, như lời thánh Augustinô nhận định: “Để bảo vệ đức tin Công giáo trước các người theo lạc giáo, nhiều điểm giáo lý đã được duyệt y theo một mức độ kỹ lưỡng hơn, được hiểu một cách tường tận hơn và được rao giảng một cách húng khởi hơn” (*De civitate Dei*, I.16.1). So với các bậc tiền bối thuộc thời tiền công đồng Nixêa, các Giáo phụ trong thế kỷ 4 đã tiến một bước xa hơn với việc bắt đầu suy tư theo cung cách của những thần học gia đích thực. Các ngài đã nỗ lực hết mình để thống nhất hệ thống thuật ngữ cũng như để định nghĩa một cách chuẩn xác nhất những thuật ngữ thần học đó.

Thánh Atanaxiô thành Alêcxândria (296-373) – thần học gia đầu tiên bàn về Chúa Thánh Thần – đã khai triển giáo huấn của ngài qua các thư ngài gửi cho Serapion, giám mục thành Thmuis. Những người theo dạng lạc giáo mà ngài gọi là “ẩn dụ phái” (bởi “*tropici*” là do từ *tropos*, có nghĩa là “ẩn dụ”), cho rằng thuật ngữ “thần khí” trong Kinh Thánh chỉ là một phép nói ẩn dụ và, do đó, không mang lấy một ý nghĩa nhân xưng nào cả. Atanaxiô đã trình bày cho thấy rằng, từ ngữ “thần khí” hàm dung một ý nghĩa rất dồi dào, như: gió, các thiên thần, thậm chí là ác thần, v.v.; tuy nhiên, nơi nhiều văn đoạn kinh thánh, Thánh Thần xuất hiện trong tư thế ngang hàng với

trước uy quyền trời vượt của Thánh Thần, khi nghe biết rằng người nào nói chống Con Người thì vẫn hy vọng được tha thứ, nhưng nếu nói phạm thượng đến Thánh Thần thì không được tha, đời này cũng như đời sau (*De Principiis*, Ch III. 2.).

Lời; bởi đó, nếu các người theo “ẩn dụ phái” đã thừa nhận thiên tính của Lời, tất họ cũng phải nhận chân Thần Khí là Thiên Chúa. Dựa vào truyền thống, vị thánh tiến sĩ này trình bày cho thấy rằng, từ thời các Tông đồ, Giáo hội đã tiến hành phép rửa nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, và – như ngài viết trong thiên chuyên khảo tựa đề *On the Incarnation against the Arians* – “chỉ có một Thần tính duy nhất, một Thiên Chúa trong Ba Ngôi Vị” (số 10, P.G. 26.1000). Dù không phải là ở trong dạng hình thành hoàn chỉnh, thì thần học của ngài cũng đã tạo được một đà khởi động vững vàng cho những bước tiến về sau.

Thánh Cirillô thành Giêrusalem (315-386) đã dành hai thiên (thứ 16-17) trong cuốn *Catecheses* để bàn về Chúa Thánh Thần. Chỉ duy nhất dựa vào lời Kinh Thánh, chứ không dùng đến lối luận giải với những giải thuyết loài người, Ngài đã lên án hết mọi lạc giáo chống lại Thiên Chúa Ba Ngôi và Chúa Thánh Thần (ngài đã bị nghi ngờ là theo lạc giáo do bởi sự việc từ chối dùng thuật ngữ *homoousios* của công đồng Nixêa). Đức tin của ngài cho thấy rõ tính chất vững chắc, như thánh Grêgôriô thành Nixa đã chứng thực (vào năm 397).

Thần học về Ba Ngôi và, cách riêng, về Chúa Thánh Thần đã tạo được một đà tiến mạnh nhờ thánh Baxiliô thành Xêdarê, thuộc vùng Capadôxia.¹³ Để ứng phó với các lạc giáo có lối suy luận tinh tế, Baxiliô đã tiến hành việc mài giũa lại các khái niệm; ngài nhận thấy rằng, cả Nixêa lẫn thánh Atanaxiô đều

¹³ Xem Stanley M. Burgess, *The Holy Spirit: Ancient Christian Traditions*, Hendrickson Publ. 1997, “Post-Nicene Greek Fathers: Cappadocia”, tt. 132-165; Gary D. Badcock, *Light of Truth and Fire of Love. A Theology of the Holy Spirit*, Grand Rapids: Eerdmans, 1997, “The Patristic Consensus”, tt. 35-61.

dùng đến những khái niệm đã bị phía lạc giáo lạm dụng trong cách hiểu, do bởi chúng không được định nghĩa cho chính xác; chẳng hạn như là đối với các từ *ousia* và *hypostasis*; thế nên, ngài đã định nghĩa và phân biệt một cách minh bạch giữa *ousia* (bản thể/bản tính) và *hypostasis* (ngôi vị/bản vị). Ngài đã cho ra đời các cuốn *Against Eunomium* và, cách riêng là cuốn *On the Holy Spirit* để chứng minh về thiên tính, lẫn về tình trạng đồng bản tính với Cha và Con, của Thần Khí; tuy đã khẳng định rằng, “thần tính trong cả ba chỉ là một” (*Against Eunomium* III. 1), nhưng ngài lại không gọi Thần Khí là “Thiên Chúa.” Ngài trình bày cho thấy, rằng Thần Khí cũng nhận lấy cùng một danh hiệu như của Cha và Con (Đấng Thánh, Đấng Thánh hóa, Đức Chúa, Đấng Quyền Năng, Đấng Thiện hảo tự bản chất, v.v.), và rằng Người không phải là một thụ tạo, bởi Người từ trong Thiên Chúa mà ra và quy về nơi Thiên Chúa; về điều này, thánh nhân đã viết như sau: “Người đã hiện hữu – tiền hữu như, và đồng hữu với, Cha và Con – trước mọi thời đại” (*On the Holy Spirit*, 19.49); do bởi tình trạng bất khả phân ly khỏi nhau và có cùng các hoạt động như nhau, nên các Ngài là một với nhau (Thiên Chúa); như thế, có thể dùng thuật ngữ chuyên môn mà biểu đạt như sau: các Ngài giống nhau ở bản tính (*ousia*), nhưng lại khác nhau ở ngôi vị (*hypostasis*). Ba Ngôi Vị đều có chung các công tác đối ngoại (*ad extra*): “Chúa Thánh Thần hoàn toàn không tách rời khỏi Cha và Con... trong mỗi một hoạt động” – nghĩa là, “Chúa Thánh Thần không tách rời khỏi Cha và Con trong công cuộc tạo dựng các đối tượng khả tri, trong việc an bài các phận vụ cho con người, và trong việc phán xét muôn loài vào hồi chung cuộc” (*On the Holy Spirit*, 12, 15). Hiếm khi ngài gọi Thần Khí là “Thiên Chúa” vì một số lý do liên quan đến khía

cạnh mục vụ. Bạn của ngài, thánh Grêgôriô thành Nadian (329-389), người được gọi là “thần học gia,” đã không chút ngần ngại tuyên xưng thiên tính của Thần Khí. Ngài giải thích tiến trình mạc khải như sau: “Cựu Ước đã công bố một cách rõ ràng về Cha nhưng lại tỏ ra mù mờ về Con. Tân Ước đã biểu lộ tỏ tường về Con nhưng lại chỉ thấp thoáng cho thấy về thiên tính của Thần Khí. Giờ đây, Thần Khí đang cư ngụ giữa chúng ta và chiếu tỏa hết mọi vẻ rạng ngời của Người. Hẳn sẽ là thiếu khôn ngoan nếu mình nhiên loan báo về Con trước khi công nhận thiên tính của Cha, và quy hướng về Thánh Thần trước khi nhìn nhận thiên tính của Con, nếu có thể nói được như vậy” (*Oratio* 31.26). Grêgôriô cảm thấy lúng túng trước tình trạng thiếu các thuật ngữ, ý niệm và những cách biểu đạt rõ ràng. Như Baxiliô, ngài cũng đã rút ra từ Kinh Thánh, giáo huấn đức tin như sau: Thần Khí của Thiên Chúa, của Đức Kitô, là Chúa và hiện diện với Cha trong công cuộc tạo dựng, hiện diện với Con trong các biến cố nhập thể và cứu chuộc, và ở trong chúng ta với tư cách là Thần Khí ban sự thật, ban ơn làm nghĩa tử và thánh hóa. Nếu Người đã hoạt động giống như Cha và Con, thì thế tất Người cũng là Thiên Chúa; ngài gọi Người là “Thần Khí Thánh,” “ngang bằng với Thiên Chúa” (*homoitheos*). Trong *Oratio* 31, ngài chứng minh rằng Thần Khí không phải là một thụ tạo, và kết luận như sau: “Vậy, là gì? Thánh Thần là Thiên Chúa? – Nhất thiết là thế. Người đồng bản tính [với Cha]? – Đương nhiên, bởi vì Người là Thiên Chúa!” Tiếp đó, ngài cho thấy rằng, trong Giáo hội, Thần Khí được phụng thờ cùng với Cha và Con; và tất cả chúng ta đều lãnh nhận phép rửa nhân danh Người: nếu Thần Khí không phải là Thiên Chúa, thì hẳn phép rửa chỉ là vô hiệu (*Orat.* 37.18). Đức tin Công giáo có một lập trường hoàn

toàn khác biệt so với lạc thuyết Sabelliô vốn chủ trương trộn lẫn các Ngôi vị, và so với lạc giáo Ariô vốn chủ trương tách rời các bản tính; chúng ta tuyên xưng một Thiên Chúa duy nhất trong ba Ngôi vị ngang bằng với nhau. Thánh Grêgôriô thành Nixa (330-395), bào đệ và là đồ đệ của thánh Baxiliô, đã đứng ra bênh vực đức tin của công đồng Nixêa tại công đồng Côngxtăngtinốp (381). Thần học của ngài cũng có cùng một chủ hướng với cả Baxiliô lẫn Grêgôriô thành Nadian, song lại mang đậm tính chất triết lý, dẫn đến sự việc ngài bị cáo buộc là đã có tư tưởng thuần lý quá đà kiểu Platô. Ngài là tác giả của cuốn sách *On the Holy Spirit against the Macedonian, Pneumatomachi, Against Eunomium*, và của nhiều tác phẩm khác nữa. Ngài dạy rằng, trong Thiên Chúa Ba Ngôi, mọi sự đều có chung với nhau, ngoại trừ tình trạng khác biệt về các ngôi vị (*hypostases*). Vì Kinh Thánh biệt quy cho Thần Khí các phẩm chất tốt lành tự yếu tính và sự khôn ngoan vô cùng, nên Người là Thiên Chúa như hai Ngôi vị còn lại. Bình luận kinh Lạy Cha – dùng văn đoạn Mt 6:10, “Nước Cha trị đến,” và một dị bản của Lc 11:2: “nguyện xin Thánh Thần của Ngài ngự xuống trên chúng con và thanh luyện chúng con” – thánh Grêgôriô cho rằng nước Thiên Chúa chính là Thánh Thần; bởi đó, Người “thuộc về Thiên Chúa”, nhưng lại “khác với Thiên Chúa (Cha)”. Ngài nói rằng, mọi công tác ngoại tại hay hướng ngoại (*ad extra*) của Thiên Chúa đều được khởi xuất từ nơi Cha, thông qua Con và được hoàn tất trong Thánh Thần; quả thực, Cha không làm điều gì mà không có Con, và Con cũng không làm điều gì mà không có Thần Khí; như thế, nếu các Đấng cùng hoạt động với nhau, tất các Đấng có chung cùng một bản tính với nhau. Qua giáo huấn của ba Giáo phụ vùng Capadôxia, giáo lý

về Ba Ngôi đã trở nên vững chắc – trong mức độ có thể đối với một đối tượng như thế – và được coi là gia sản chung của Kitô giáo chính truyền.

Các Giáo phụ đương thời khác cũng đã tuyên xưng cùng một giáo lý như thế; và có lẽ, Đidimô Mù (313-398) – vị hiệu trưởng trường giáo lý Alécxandria – là người gây được nhiều ảnh hưởng nhất; các tác phẩm *On the Trinity* và *On the Holy Spirit* của ngài – được thánh Hiêrônimô dịch sang La ngữ – đã trở thành nguồn liệu cho các nhà thần học từ đó trở về sau. Ba Ngôi Thiên Chúa là một mẫu nhiệm khôn tả, cho nên việc dùng ngôn từ triết học, như phái Eunomius đã làm, để biểu trình đời sống nội tại của Thiên Chúa có thể gặp phải mối nguy đưa đến tình trạng lầm đường lạc lối. Ngài nhận định rằng, Kinh Thánh là nguồn giáo huấn hết sức rõ ràng về thiên tính, và về tư thế ngang bằng của Thần Khí đối với Cha và Con. Đidimô đã dùng vốn học vấn hết sức uyên bác của mình mà trung dẫn từng văn đoạn Kinh Thánh liên hệ và cắt nghĩa những đoạn mà các lạc giáo đã hiểu sai. Ngài đã sưu tập gần như là tất cả những luận điểm của các thần học gia về trước để kết luận rằng Thần Khí “đồng bản tính với Thiên Chúa Cha” (*homoousion to theo patri*); và công thức ngài thường dùng – mà giờ đây đã trở thành truyền thống của thần học Công giáo – là: một bản thể (*essence*) ba ngôi vị (*hypostases*).

b. Các Giáo phụ Latinh

Trong Giáo hội nói tiếng Latinh, vấn đề giáo lý đã không gây ra nhiều tranh cãi. Têctulianô thành Căcthagô (†225) đã định thức một nền thần học với những mô mẫu được coi là gần như hoàn chỉnh. Lúc bênh vực cho vấn đề hiệp nhất tính trong Thiên Chúa,

ngài đã dùng thuật ngữ “tam vị” và “ngôi vị” – như ngài viết trong cuốn *Against Praxeas* – và lưu ý rằng giáo lý ấy phải được coi như là chuẩn mực của Kitô giáo, giúp thiết lập một thể đứng khác biệt so với lập trường của Do thái giáo (*Adv. Prax.* 31). Ngài gọi Thánh Thần là “Thiên Chúa”: “Chớ bao giờ mở miệng nói rằng, có ‘hai Thiên Chúa, hoặc ‘hai Chúa’: đừng làm như thể việc tuyên xưng Cha là Thiên Chúa, Con là Thiên Chúa, Thánh Thần là Thiên Chúa, và mỗi vị đều là Thiên Chúa, là điều sai trái!” (*Adv. Praxeas* 13). Nhắc lại công thức rửa tội, Tectulianô đã cắt nghĩa cả về tư cách – các Ngài là “ba chứng nhân” – lẫn về tình trạng đồng nhất tính của tam vị. Ngài cũng nối kết Ba Ngôi với Giáo hội, bởi cho rằng ơn cứu độ và Giáo hội đều tồn tại trong tình trạng song hành: “Hơn nữa, sau khi đã công nhận là chính nhờ ‘ba chứng nhân’ mà lời tuyên xưng đức tin và lời hứa cứu độ được đảm bảo, nhất thiết cũng phải kể đến cả Giáo hội nữa; bởi vì, nơi nào có tam vị – tức là Cha, Con và Thánh Thần – hiện diện, thì nơi đó có Giáo hội, vốn dĩ là thân thể của tam vị” (*On Baptism*, ch. 6). Tectulianô đã trình bày hết sức rõ ràng về thiên tính, và về tình trạng đồng bản tính của Thần Khí với Cha và Con; dù vậy, theo ngôn ngữ loài người, chúng ta phải dùng đến lối diễn tả “thứ bậc,” và như thế, buộc phải đặt lời tuyên xưng Thánh Thần – Đấng vốn dĩ đến từ Cha và qua Con – vào vị trí thứ ba. Thần học Latinh đã kế thừa hệ thống thuật ngữ của Tectullianô khi bàn về Tam Vị Thánh.

Liên quan vấn đề đang bàn, bài viết chỉ xin đề cập đến một vài tác giả tiêu biểu trong thần học Latinh.

Thánh Hilariô thành Poitiers (315-367) – người được mệnh danh là “Atanaxiô của bên Tây phương,” và nguyên là tông nhân học phái tân Platô – đã đứng

ra bảo vệ giáo lý chính truyền tại công nghị Seloxia (359) và đã được coi là thần học gia lỗi lạc nhất bên Tây phương đương thời. Ngài đã gặp khó khăn rất nhiều do tình trạng bất túc của ngôn ngữ dùng để biểu đạt; và do đó, giáo lý của ngài đã tỏ ra là thiếu rõ ràng. Dù vậy, là mục tử, ngài đã thấy nhất thiết cần phải lên tiếng trình bày giáo lý ấy rõ ra vì ích lợi của những người đang ở trong tình trạng nguy hiểm về đức tin do các lạc giáo gây ra. Ngài dạy rằng, Cha, Con và Thánh Thần không phải là ba Thiên Chúa, mà là một; Thần Khí ở trong một mối tương liên mật thiết với Cha và Con, đến độ Cha và Con hẳn sẽ trở nên bất toàn nếu như Thần Khí không phải là một ngôi vị trong Thiên Chúa Ba Ngôi. Do bởi tính chất mơ hồ của từ ngữ, ngài đã không gọi Thần Khí là “Thiên Chúa,” mà là “của Thiên Chúa”; và hẳn vì thế mà một số người sau này đọc các tác phẩm của ngài đã tỏ thái độ hoài nghi về xác thực tính của giáo lý ngài trình bày.¹⁴

Thánh Ambrôxiô thành Milan (339-397) đã kế thừa di sản giáo huấn của các Giáo phụ Hy Lạp, đặc biệt là của Đidimô, và đã giới trình một dạng giáo lý hết sức rõ ràng mang cung cách Latinh tao nhã. Bình luận về những kẻ “nói phạm đến Thánh Thần” (x. Lc 12:10), ngài viết như sau: “Làm sao mà một số người lại cả gan liệt Thần Khí vào hàng thụ tạo?” (*De Spiritu Sancto* I, 3.53). “Chẳng hề có tính khác biệt nào trong tiến trình hoạt động giữa Thiên Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bởi vì Thần Khí thực hiện điều gì, thì Thiên Chúa Cha cũng thực hiện điều đó,” xét vì “tình liên đới trong Cha, Con và Thánh Thần là duy nhất và bất khả phân ly.” Thánh Augustinô nhận

¹⁴ Luis Ladaria, “L’Esprit Saint chez Hilaire de Poitiers,” *Connaissance des Pères de l’Église* 69 (1998) 14-21.

xét rằng, Ambrôxiô đã giảng dạy giáo lý chân chính đó theo một cung cách đơn sơ và dễ hiểu.

Với thánh Âugutinô (354-430), Kitô giáo Tây phương cô thời đã đạt tới đỉnh điểm hoàn bị. Sau khi nhận phép rửa từ tay Ambrôxiô (387), Âugutinô trở về Phi châu và được tấn phong giám mục thành Hippô (395). Ngài đã phải đương đầu các lạc giáo như Manikêô, Đônatô và Pêlagiô. Ngài cho ra đời rất nhiều tác phẩm thần học giá trị – chẳng hạn như cuốn *De Trinitate* – và đã trở thành tác giả có ảnh hưởng lớn mạnh nhất ở Tây phương. Ngài là vị “Tiền sĩ về Thiên Chúa Ba Ngôi,” bởi đã thành công trong việc tóm gọn giáo lý đức tin Công giáo về Thiên Chúa Ba Ngôi qua những cách trình bày như sau: “Trong Thiên Chúa Ba Ngôi, lẽ tất là chúng ta có Chúa Thánh Thần, Đấng mà đức tin Công giáo tuyên xưng là có cùng bản tính và sự sống vĩnh hằng với Cha và Con” (*In Joannem* 74.1); và trong một tác phẩm khác, ngài viết rằng: “Chúng ta tin vào Chúa Thánh Thần, Đấng xuất phát từ nơi Cha nhưng không phải là Con; Đấng lưu lại trong Con, nhưng không phải là Cha của Con; Đấng nhận lãnh từ nơi Con, nhưng không phải là con của Con. Người là Thần Khí của Cha và của Con, là Chúa Thánh Thần, là chính Thiên Chúa... Chỉ có duy nhất một Đức Chúa Cha, duy nhất một Đức Chúa Con, và duy nhất một Đức Chúa Thánh Thần; dù vậy, không phải là có đến ba Thiên Chúa, nhưng chỉ có duy nhất một Thiên Chúa mà thôi... Từng thành viên trong Ba Ngôi đều là Thiên Chúa, và Ba Ngôi là Thiên Chúa, một Thiên Chúa duy nhất” (*Sermo* 214. 10). Các công thức giáo lý của thánh Âugutinô tỏ ra chặt chẽ đến độ chẳng cần phải được giải thích gì thêm, và vẫn tiếp tục được dùng cho đến ngày nay.

Đức tin chính thức của Giáo hội

Chúng ta đọc thấy đức tin của Giáo hội trong các kinh Tin kính, hoặc trong các công thức biểu trình đức tin – tức tín biểu – được dùng trong phụng-vụ. Trước tiên, phải kể đến lời tuyên tín trong công thức rửa tội: “Nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần.” Dù được tuyên xưng theo thứ tự, thì Ba Ngôi cũng chỉ mang một danh hiệu duy nhất, bởi vì các ngài cùng đứng theo một tư thế ngang hàng nhau. Nếu đọc lướt qua các tín biểu trong tuyển tập *Denzinger*,¹⁵ cuốn cẩm nang trích dẫn các tín liệu – thường là từ một số nguồn phụng vụ cổ xưa – thì sẽ bắt gặp một số công thức biểu đạt như sau: Chúng tôi tin kính “Cha là Đấng Thống trị hoàn vũ (tiếng Latinh: *dominator*, tiếng Hy Lạp: *Pantokrator*), Đức Giêsu Kitô là Đấng Cứu độ chúng tôi, và Thánh Thần là Đấng Phù trợ...” (DH 1). Trong một bản dịch tiếng Copt, còn đọc thấy: “... và tin kính Thánh Thần, Đấng ban sinh lực cho hết thảy” (DH 3); đức tin đó được nhắc đi nhắc lại trong hầu hết các công thức tuyên tín (DH 1-36)

Các công đồng đều tuyên xưng cùng một đức tin duy nhất, nhưng thường thì được biểu trình theo dạng biện giáo (như thế là vì phải đứng trong tư thế ứng phó với các lạc giáo). Giáo lý cần phải được “minh định” sao đó cho thích đáng, thì mới tránh được tình

¹⁵ *Denzinger*, hoặc *Enchiridion Symbolorum, definitionum et declarationum de rebus fidei et morum* là một tuyển tập các tài liệu của giáo hội được dùng trong thần học. Tuyển tập này được xuất bản lần đầu tiên, do Heinrich J.D. Denzinger (1819-1883), vào năm 1854, và đã có đến 37 lần tái bản; ban đầu, tuyển tập này được gọi tắt là D trong các trích dẫn; đến lần tái bản thứ 33, vào năm 1965, do Schonmetzer thực hiện, nó đã được gọi tắt là DS; còn phiên bản sau hết, do P. Hünermann thực hiện, vào năm 1991, thì được gọi là DH.

trạng gây ngộ nhận hoặc hồ nghi dai dẳng, như thánh Grêgôriô Cả đã nhận định: “Trong những lúc phải đương đầu với các vấn nạn do những người lạc giáo nêu lên, Hội thánh đã không ngừng ra sức cải tiến giáo lý sao cho mỗi ngày một hoàn bị hơn” (*Epist*, 8.2). Công nghị Sirmium (351) đã tuyên xưng đức tin “vào Chúa Thánh Thần, Đấng Phù trợ... được Con sai đến... để thánh hóa các linh hồn” (DH 140); công nghị này đã lên án và rút phép thông công “những ai nói rằng Chúa Thánh Thần là một phần của Cha, hoặc một phần của Con” (*anath.* 22). Các điểm giáo lý đã tỏ ra là khá rõ ràng và chính xác hơn dưới thời công nghị Alêcxândria, do thánh Atanaxiô triệu tập vào năm 362; công nghị này đã nhấn mạnh rằng, trong Thiên Chúa Ba Ngôi, không bao giờ có chuyện là thành viên nào được tạo thành, hay thành viên này quyền năng hơn, hoặc kém thua thành viên kia; do đó, Cha, Con và Thánh Thần đều vinh quang như nhau (x. *Mansi* III, 385). Tại Rôma, dưới triều Đức Giáo hoàng Đamasô (366-384), một vài công nghị đã được triệu tập, và đặc biệt là công nghị do một nhóm giám mục bên Đông phương khởi xướng năm 374 để chống lại Apollinaris thành Laodixêa (†390) và Euthathius thành Sebaste († 377); các ngài đã nói rõ như sau: “chúng ta hãy tuyên xưng rằng Thánh Thần là vô tạo, có cùng một phẩm tính cao cả, cùng một bản thể (theo thuật ngữ Latinh *usia*) và cùng một quyền năng với Thiên Chúa Cha và Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Sẽ là kẻ phạm thượng, những ai coi Người như là một thụ tạo; Người là Đấng được sai đi để sáng tạo... Nhất thiết không được tách rời Người ra khỏi Thiên Chúa là Đấng hiệp nhất trong hoạt động [tạo dựng] và trong việc ban ơn tha tội” (DH 145).

Vào tháng 7, năm 381, các Giáo phụ họp nhau ở Côngxtăngtinôp, trong công đồng chung được triệu tập lần thứ hai; tại đây, vấn đề thiên tính của Thánh Thần đã được minh định. Sau khi lập lại tín biểu Nixêa, các Giáo phụ đã thêm vào tín khoản thứ ba: Chúng tôi tin kính... “Chúa Thánh Thần, Người là Chúa và là Đấng ban sự sống; Người phát xuất từ nơi Chúa Cha, được phụng thờ và tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Con; Người đã dùng các ngôn sứ mà phán dạy.” Về sau, cụm ngữ “và từ nơi Chúa Con” được Tây phương bổ túc, đã làm điểm khởi mào cho những cuộc tranh cãi dai dẳng. Như đọc thấy trong các luật khoản, công đồng này đã kết án các loại lạc giáo như: Eunomiô hay phái dị đồng, Ariô hay phái đồng dạng, bán-Ariô hay phái phủ nhận thiên tính Thánh Thần, phái Sabelliô, Mácxelliô, Phôtiniô và Apôlinariô...; đó là các lạc thuyết đã phủ nhận, ngụy biện, hoặc không tuyên xưng cho đầy đủ về thiên tính của Thần Khí, và về tình trạng hiện diện cùng hoạt động của Người giống như của Cha và của Con.

Sau đó một năm, Đức Giáo hoàng Đamasô đã triệu tập một công nghị tại Rôma, cho tiến hành xuất bản một văn kiện, mang tựa đề là *Tomus Damasi*, với những giải thích bổ túc chi tiết hơn về đức tin và về các lạc giáo bị vạ tuyệt thông. Dù thế, vẫn còn thấy các lạc giáo tồn tại dai dẳng: năm 553, hoàng đế Giúxtinô đã triệu tập một công đồng khác, tại Côngxtăngtinôp (lần thứ 5), và đã công bố cuốn *Anathema*, trong đó, có các lời lẽ như sau: “Nếu bất cứ kẻ nào không chịu tuyên xưng rằng Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Thần đều có chung một bản tính hay bản thể, một quyền năng hay uy thần, đều được phụng thờ như là Ba Ngôi Vị có cùng một bản tính,

như là một thần tính trong Ba Ngôi Vị hay bản vị, thì kẻ đó phải chịu vạ tuyệt thông. Bởi vì, chỉ có một Chúa Cha là Đấng do đó mọi sự hiện hữu; chỉ có một Chúa Giêsu Kitô là Đấng nhờ đó mọi sự hiện hữu, và chỉ có một Chúa Thánh Thần là Đấng trong đó mọi sự hiện hữu” (DH 421). Giáo lý quả đã minh bạch.

Bên Tây phương, bản tuyên tín của công đồng Tôlêđô (năm 400?, 447?) đã gây một ảnh hưởng rất lớn; tại công đồng này, Giáo hội Visigothic (Tây Ban Nha) đã tuyên xưng như sau: “Chúng tôi tin kính một Thiên Chúa đích thực, là Cha, Con và Thánh Thần... Chúng tôi cũng tin vào Thần Khí là Đấng Phù trợ, Đấng không phải là Cha hay là Con, song là Đấng phát xuất từ Cha và Con... Chúng tôi tuyên xưng rằng, Thiên Chúa Ba Ngôi khác biệt nhau về Ngôi Vị, nhưng là một trong bản thể, trong quyền năng, và trong uy nghi...” (DH 188). Công thức biểu trình đức tin này – được lặp lại và cắt nghĩa tại hai công đồng vào các năm 688 và 693 – đã trở thành định thức đức tin phổ biến tại Tây phương. Thời Trung cổ, đã thấy có một vài điểm sai lạc xuất hiện nơi các tác giả nhuốm ảnh hưởng của duy danh thuyết, hoặc của lối luận giải lệch lạc theo tam thần thuyết về Thiên Chúa Ba Ngôi; bởi đó, công đồng Soissons (Pháp), nhóm họp năm 1092, đã kết án Roscelin de Compiègne bởi chủ trương hiểu bản thể thần linh chỉ như là một cách nhận thức trừu tượng và, do đó, coi Ba Ngôi Vị như là “ba sự vật”; một công đồng khác, nhóm họp năm 1140, cũng đã kết án Abelard bởi đã coi Thánh Thần như là một thuộc tính của Thiên Chúa, hoặc như là “Tình trạng Tốt lành của Thiên Chúa.” Những cách hiểu sai lạc đó thường chỉ đơn thuần là những quan điểm riêng tư của một số cá nhân và, do đó, không làm phát sinh lạc giáo cũng như không gây ra tình

trạng chia rẽ. Công đồng Latêranô thứ tư (1215) đã đề xuất một công thức thật xinh xắn, lên án các điểm sai lạc của viện phụ Joachim Fiore: “Chúng tôi tin kính vững vàng và tuyệt đối tuyên xưng rằng chỉ có một Thiên Chúa duy nhất là Đấng hằng hữu và vô biên... Cha và Con và Thánh Thần: là Ba Ngôi Vị, nhưng chỉ là một yếu tính, một bản thể hoặc bản chất, tuyệt đối đơn thuần (*simple*): Cha không do bởi ai mà có, Con chỉ do bởi Cha mà có, và Thánh Thần do bởi cả hai mà ra...” (DH 800).

Trong công đồng bàn về hiệp nhất, nhóm họp tại Lyon, năm 1274, giáo lý về Thiên Chúa Ba Ngôi đã được đem ra thảo luận với bên Hy Lạp và đã đạt đến một tầm định thức chuẩn xác hơn: “Với thành tâm và nhiệt tâm, chúng tôi xin tuyên xưng rằng Thánh Thần hằng phát xuất từ nơi Cha và Con, không phải như là từ hai nguyên khởi, nhưng là từ một nguyên khởi duy nhất, không phải là qua hai nhiệm xuy, nhưng là qua một nhiệm xuy duy nhất...” (DH 850). Hoàng đế Michaël Paleologos cũng đã ban bố một công thức biểu trình tương tự; song, tiếc thay, vấn đề hiệp nhất giữa Đông và Tây đã không được phê duyệt tại Công-xtantinôp, và tình trạng ly khai vẫn kéo dài. Tiếp đó, năm 1439, tại công đồng bàn về hiệp nhất, ở Florence, thuật ngữ *Filioque* – “và từ Chúa Con” – đã được luận giải như sau: “việc tuyên xưng điều mà các Tiến sĩ thánh và các Giáo phụ đã dạy – rằng, Chúa Thánh Thần phát xuất từ nơi Cha thông qua Con – sẽ dẫn đến ý nghĩa mặc nhiên để hiểu rằng Con, cũng như Cha, là nguyên nhân (*cause*, như phía Hy Lạp gọi) hay là nguyên lý (*principle*, như phía Latinh gọi) của Chúa Thánh Thần.” (DH 1301). Thời trước, phía Bydăntin đã từng lên tiếng bác bỏ cách luận giải này, nhưng nay, thì họ lại công nhận là đúng. Giáo lý nêu

trên, được hiểu theo cách kiêu như vậy, đã trở thành phổ biến ở Tây phương, cả trong Giáo hội Công giáo lẫn bên phía Tin Lành, cho đến ngày nay.

Thần học

Thần học – khai triển theo kiêu các nhà thần học kinh viện, tức như một ngành “khoa học” – chỉ coi giáo lý về Chúa Thánh Thần như là một chương trong thần học về Chúa Ba Ngôi. Biên soạn các chuyên khảo và sách giáo khoa, nhưng chưa bao giờ các thần học gia nghĩ đến việc hình thành một thiên chuyên khảo về Chúa Thánh Thần. Bởi nghĩ rằng đức tin của Giáo hội đã được biểu trình qua kinh Tin kính rồi, nên phía thần học đã dồn cả chú tâm vào việc khai triển một loạt các ý niệm quả thật trừu tượng và tinh vi, nhắm vào các tương quan nội tại trong Thiên Chúa, và trong sinh hoạt nội tại đó, vấn đề nhiệm xuy của Chúa Thánh Thần đã được đặc biệt nhấn mạnh. Còn cung cách biểu đạt thì thường là nặng tính chất biện giáo và luận chiến.

Ngoại trừ vấn đề thiên tính và nhiệm xuất từ Cha và Con của Chúa Thánh Thần ra, thì hoạt động của Ngôi Ba đã chẳng được tác vụ giáo huấn quan tâm là mấy. Trong Giáo hội, Người đã được kêu cầu như là Đấng đảm bảo cho cơ chế của giáo hội; và trong lãnh vực tu đức, Người đã được coi là “vị khách dịu ngọt của linh hồn”.

Với Vatican II, phạm vi nghiên cứu về Thánh Thần đã được nói rộng đáng kể.¹⁶ Thần Khí được coi như là một chủ thể đóng giữ vai trò tích cực trong công cuộc tạo dựng, mạc khải và nơi các biến cố lịch sử; luôn

¹⁶ Xem F. Lambisi, *Lo Spirito Santo, mistero e presenza: Per una sintesi di pneumatologia*, Bologna, 1987.

kết hiệp mật thiết với Lời. Chính nhờ Thần Khí mà chúng ta mới ý thức được việc các tầng trời ca tụng vinh quang Thiên Chúa (Tv 19: 2); là Đấng dùng miệng các ngôn sứ mà phán dạy, Người đã dẫn dắt các nhà lãnh đạo Ítraen trong công cuộc giải phóng dân tộc, đã linh hứng các tác giả thánh, v.v. Người đã làm cho Ngôi Lời nhập thể vào Đức Giêsu, đã ngự xuống trên Giáo hội ngày Lễ Ngũ tuần, và đã phái gửi Giáo hội đi thừa hành sứ vụ, v.v. Với nhãn quan đó, không còn có thể quan niệm mạc khải như là những gì được viết ra bằng chữ, hay đơn thuần như là một tiến trình chuyển giao các chân lý, nhưng là một chuỗi tiếp nối các sự kiện trong đó, theo một cung cách thân tình, Thần Khí kiến tạo nên mối hiệp thông bằng hữu giữa loài người (DV 2). Bởi đó, ngày nay, Thần Khí học phải thẩm thấu vào trong Kitô học và Giáo hội học. Như các Giáo phụ đã dạy, Giáo hội là một dạng nhập thể nối dài – có “linh hồn” là Thần Khí – và là một “cơ phận” của Thần Khí. Trong Giáo hội, Thần Khí không chỉ giúp sức để bảo tồn truyền thống mà thôi, song còn tạo đà đẩy mạnh giúp tiến xa hơn (DV 8), giữ cho lời được sống động và dẫn các môn đệ đến với sự thật toàn vẹn.

Thần học nhìn thấy Thần Khí hoạt động trong công cuộc sáng tạo thế giới vật chất, khởi đầu từ việc “bay là là trên mặt nước” lúc mặt đất vẫn còn ở trong cảnh trạng hỗn mang (x. St 1:2), và kết thúc nơi việc “cứu chuộc thân xác chúng ta” vào hồi chung cuộc thế giới (x. Rm 8:23). Thần Khí “dẫn dắt việc khai mở thời đại” về cả phương diện tiến hóa lẫn lịch sử, hướng dẫn mọi loài tiến về “đích điểm cuối cùng” là tình trạng viên mãn của Đức Kitô.

Như thế, có thể thấy rằng, giáo lý về Thần Khí đã được làm cho trở nên phong phú từ những kinh

nghiệm đa dạng của nhân loại. Thần Khí luôn tự do và muốn thổi đi đâu thì tùy Người muốn; Người thích những gì đối nghịch với đời, có lẽ bởi vì, đối diện với các mẫu nhiệm, đó là cung cách duy nhất tỏ ra là khả dĩ. Dù phải công nhận là quá khứ đã dạy cho thần học rất nhiều điều về Chúa Thánh Thần, tuy nhiên cũng không phải là thiếu thận trọng khi nghĩ rằng tương lai của Thần Khí học chỉ mới bắt đầu.

TRONG SỐ NÀY

Lời Nói Đầu.....	1
Thần Khí Học.....	5
Chúa Thánh Thần trong Kinh Thánh.....	18
Nguồn Gốc Giáo Lý về Chúa Thánh Thần.....	58
Thần Học về Chúa Thánh Thần.....	87
Thần Khí với Giáo Hội.....	157